

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ. GIỚI HẠN LÃNH THỔ

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Dải đất rìa trung du

ĐB châu thổ

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:

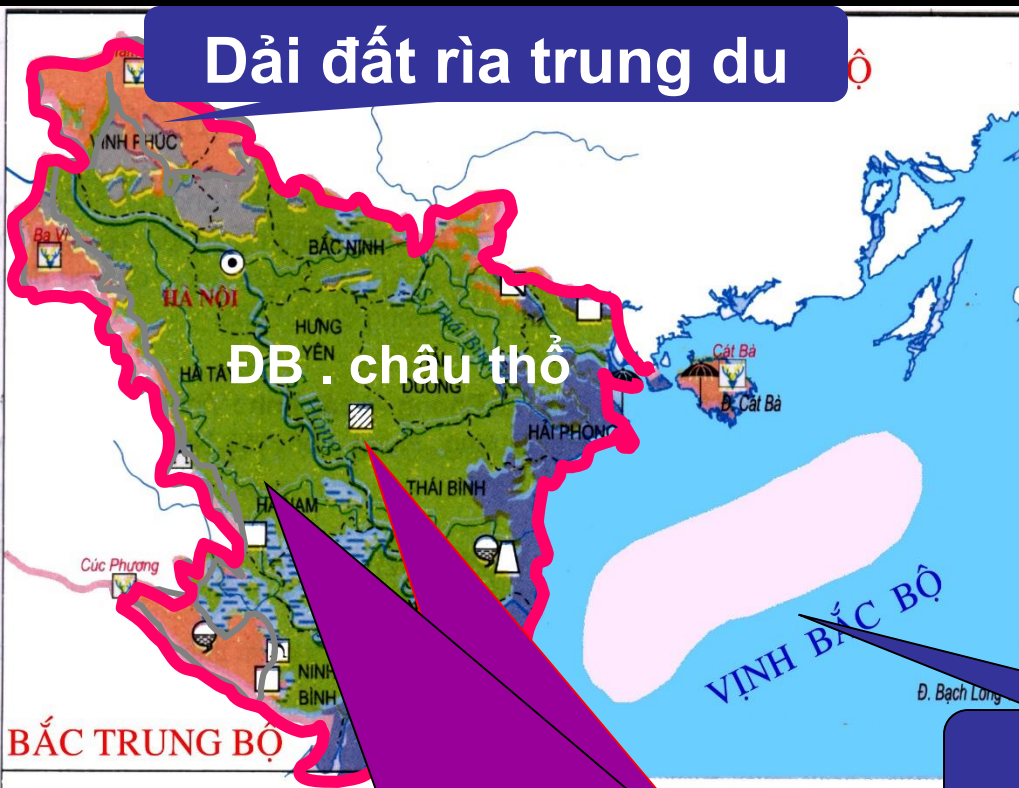
- Giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, vịnh Bắc Bộ
- Gồm đồng bằng châu thổ, dải đất rìa trung du và vịnh Bắc Bộ
- Vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế-xã hội với các vùng trong nước và thế giới.

Vịnh Bắc Bộ

Hãy xác định vị trí, giới hạn của vùng? Vị trí các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ

đồng bằng

Vùng Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế xã hội?

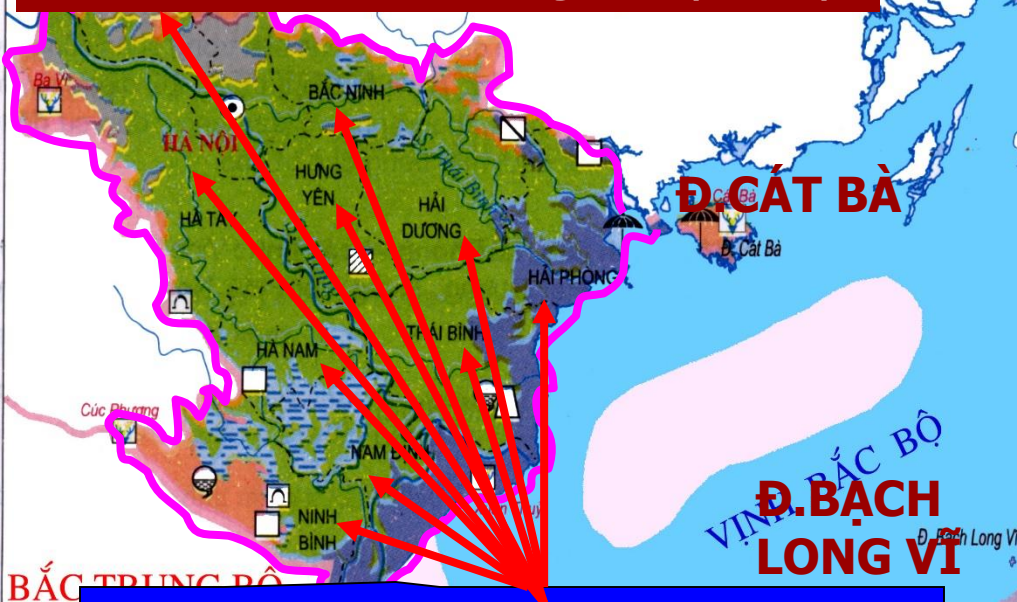


BẮC TRUNG BỘ

Đ. Bạch Long

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

- Diện tích: 14.860km²
- Dân số: 17,5 triệu người (2002)



Gồm các tỉnh, thành:

Vùng đồng bằng Sông Hồng có số dân và diện tích là bao nhiêu ?
Vùng bao gồm những tỉnh và thành nào?

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:

- Giáp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, vịnh Bắc Bộ
- Gồm đồng bằng châu thổ, dải đất rìa trung du và vùng biển giàu tiềm năng
- Vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế-xã hội với các vùng trong nước và thế giới.

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



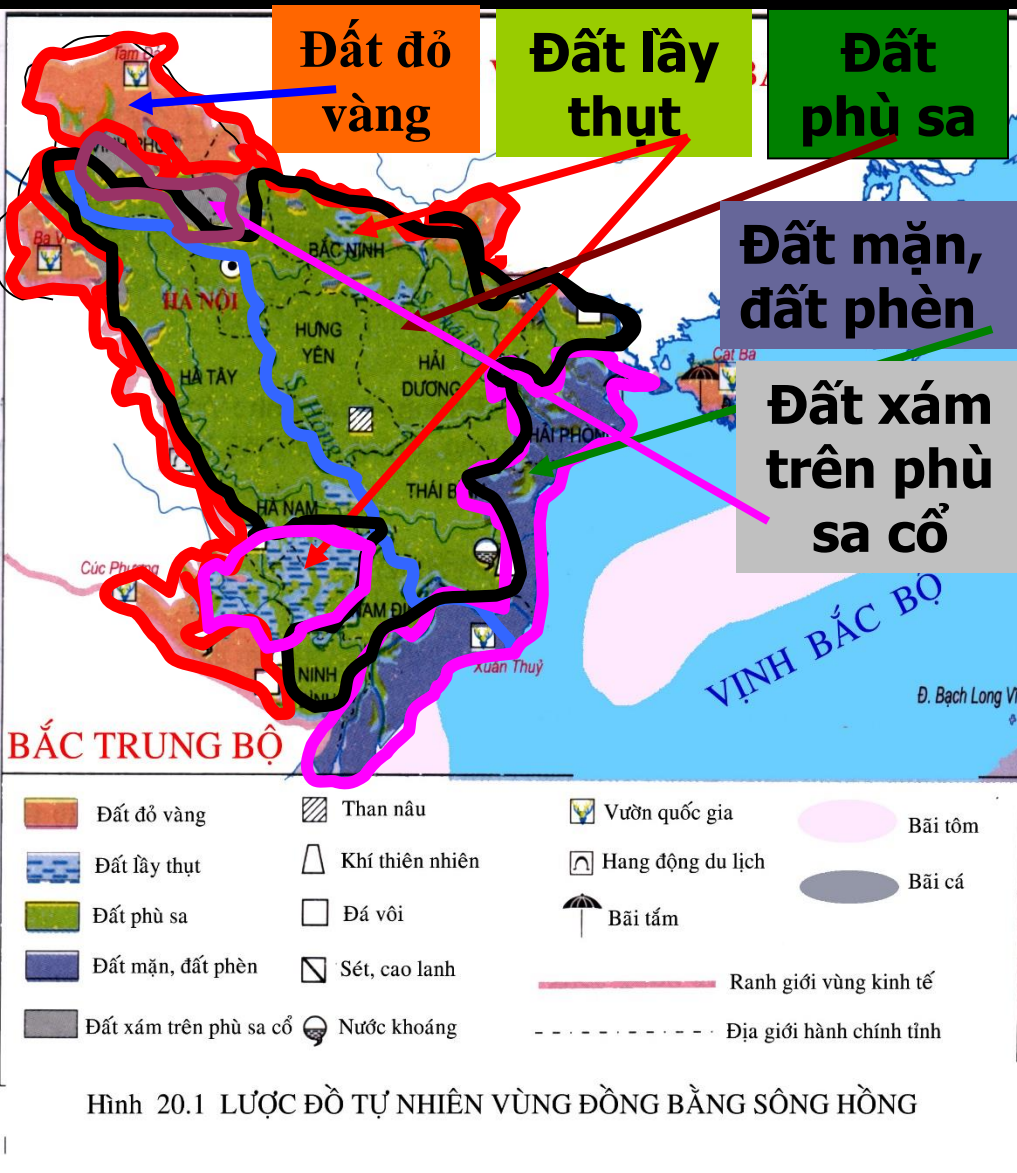
I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

- Sông Hồng bồi đắp phù sa, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, mở rộng diện tích.
- Khí hậu: nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh tạo điều kiện thuận lợi thâm canh tăng vụ, phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính.

Dựa vào lược đồ và kiến thức đã học, nêu ý nghĩa của sông Hồng đối với sự phát triển nông nghiệp và đời sống dân cư?

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



Hình 20.1 LƯỢC ĐỒ TỰ NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

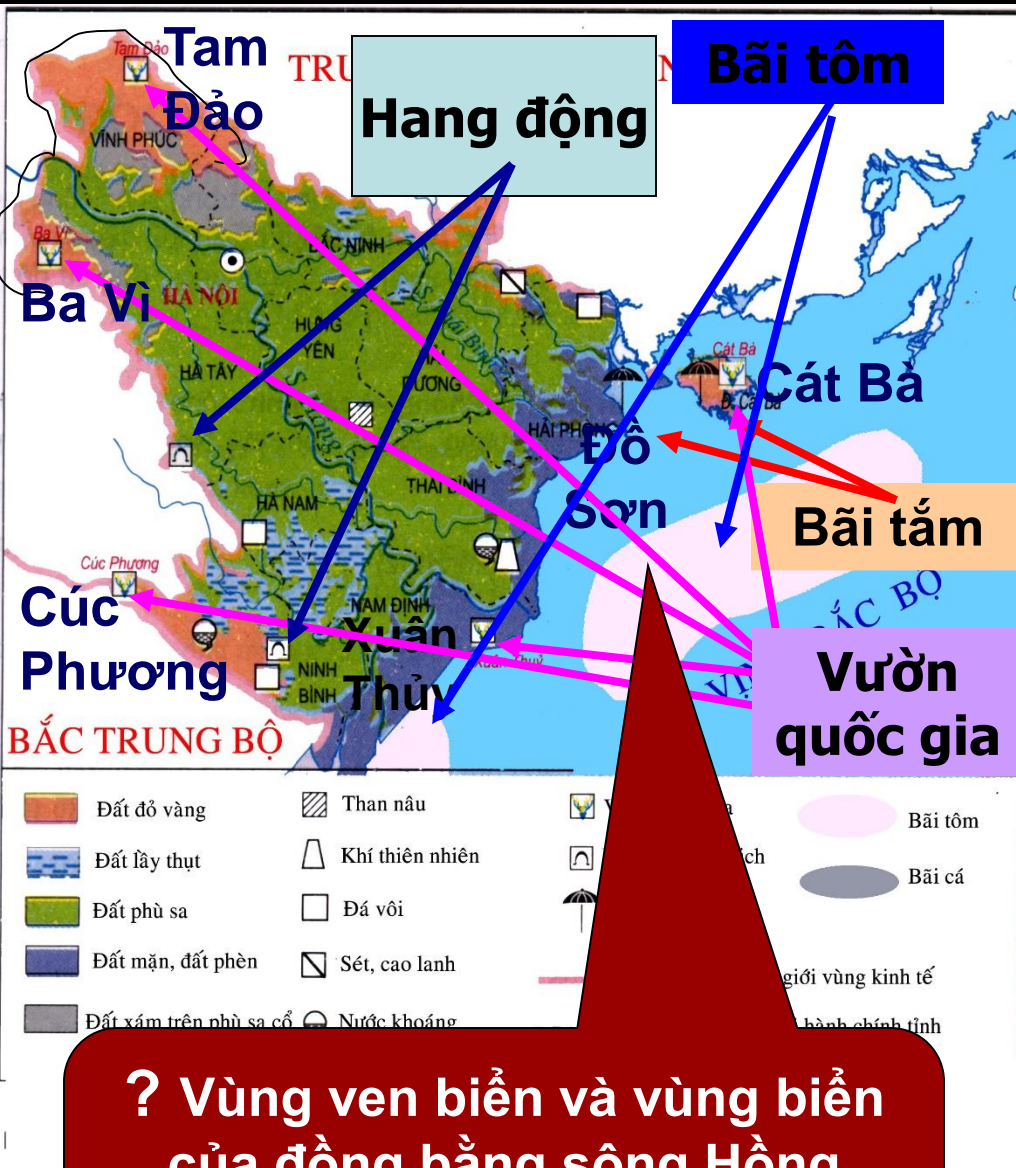
- Sông Hồng bồi đắp phù sa, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, mở rộng diện tích.

- Khí hậu: nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh tạo điều kiện thuận lợi thâm canh tăng vụ, phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính.

- Đất: có nhiều loại, đất phù sa màu mỡ thuận lợi cho việc thâm canh lúa nước.

**? Kể tên các loại đất?
Loại đất nào có diện tích lớn nhất? Ý nghĩa của tài nguyên đất?**

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ: II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

- Sông Hồng bồi đắp phù sa, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, mở rộng diện tích.
- Khí hậu: nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh tạo điều kiện thuận lợi thâm canh tăng vụ, phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính.
- Đất: có nhiều loại, đất phù sa màu mỡ thuận lợi cho việc thâm canh lúa nước.
- Khoáng sản: có nhiều loại có giá trị cao (Đá xây dựng, sét, cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.)
- Vùng ven biển và vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và du lịch.

? Vùng ven biển và vùng biển của đồng bằng sông Hồng thuận lợi phát triển những ngành gì?

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:

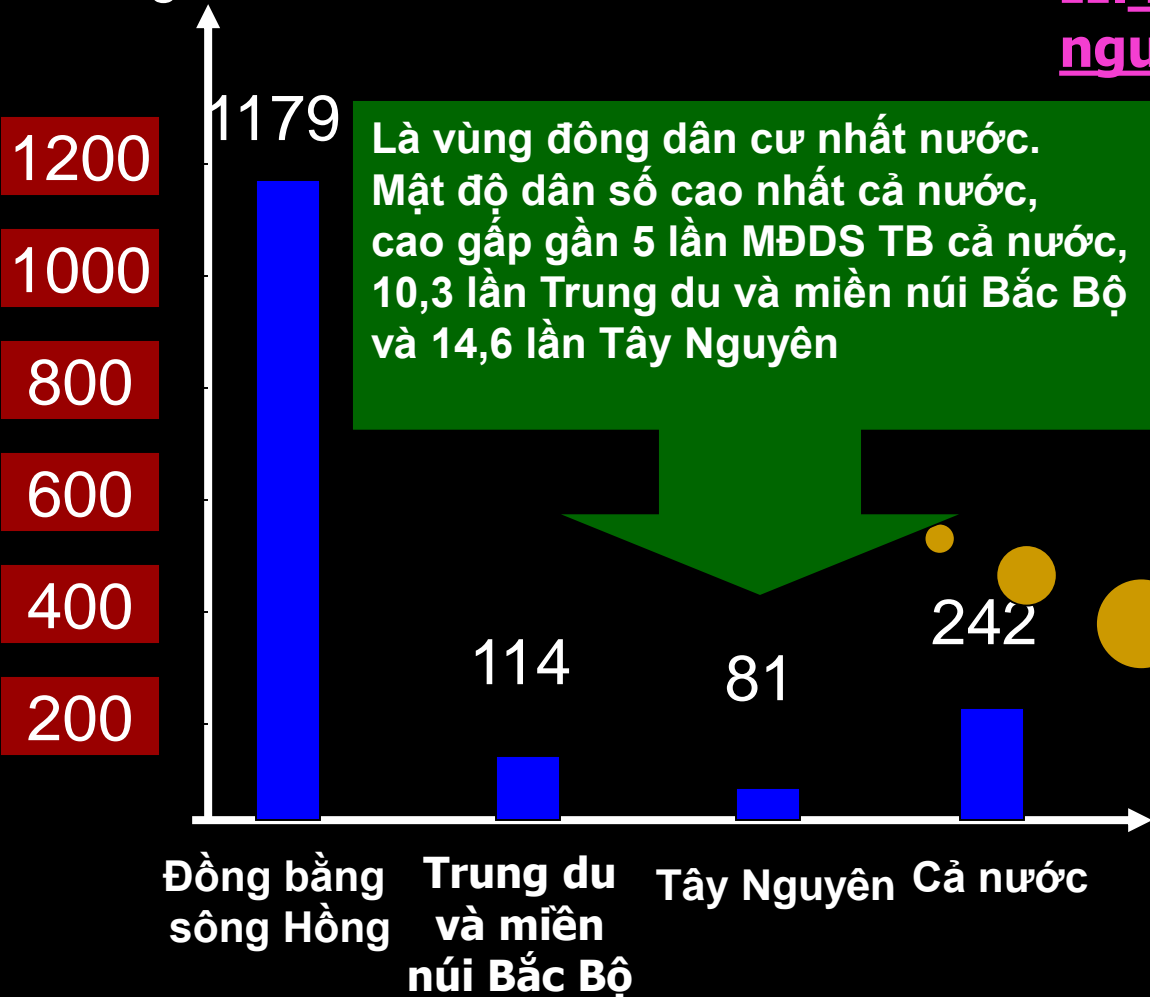
II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

Đặc điểm dân cư.

Vùng dân cư đông đúc nhất

Mật độ dân số cao nhất.

Người/km²



Là vùng đông dân cư nhất nước. Mật độ dân số cao nhất cả nước, cao gấp gần 5 lần MĐDS TB cả nước, 10,3 lần Trung du và miền núi Bắc Bộ và 14,6 lần Tây Nguyên

Dựa vào biểu đồ cho biết MĐDS của Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu? So sánh với các vùng khác?

Biểu đồ mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, cả nước năm 2002

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Dân cư đông có thuận lợi và khó khăn gì đến sự phát triển kinh tế, xã hội của vùng?

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

III. Đặc điểm dân cư, xã hội

- Là vùng dân cư đông đúc nhất nước.

- Mật độ dân số cao nhất.

- Thuận lợi:

+ Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

+ Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kỹ thuật.

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

III. Đặc điểm dân cư, xã hội

- Là vùng dân cư đông đúc nhất nước.

- Mật độ dân số cao nhất.

- Thuận lợi

- Khó khăn:

+ Sức ép của dân số đông đối với phát triển kinh tế - xã hội

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

**1. Phân tích
vấn đề đô
thị hóa ở
Đồng bằng
sông Hồng.**

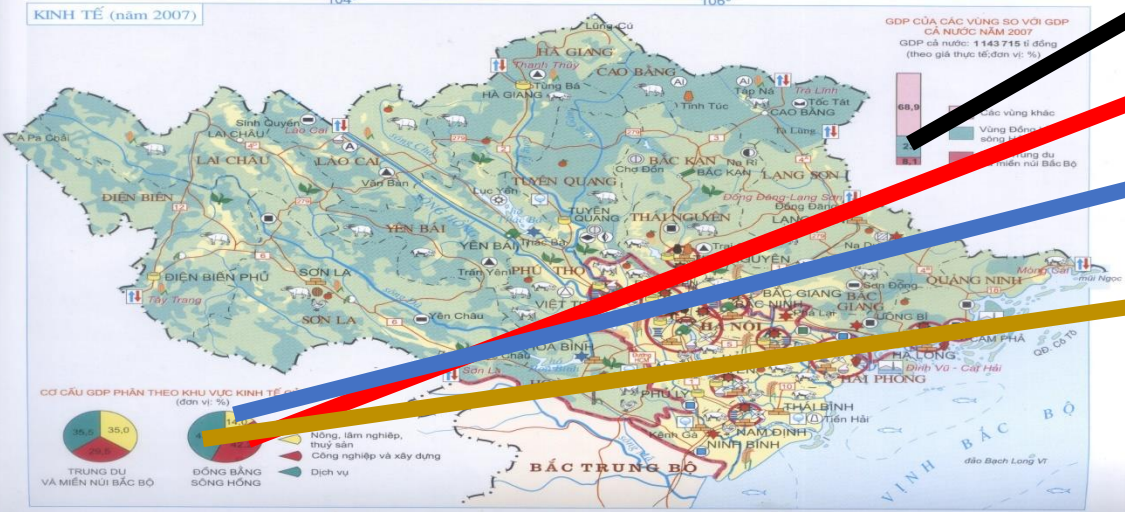
**2. Vị thế của
thủ đô Hà
Nội**

**1. Cụm Đô thị sông Hồng gồm 16 đô thị → năm 2020
“ Xây dựng đô thị thông minh, phát triển bền vững và
thân thiện với môi trường ” (Hệ hồng cây xanh được
duy trì, diện chiếu sáng công cộng, tuyên truyền... ý
thức người dân, quản lý trật tự đường, hè, trật tự an
toàn giao thông và vệ sinh môi trường, phối hợp giữa
chính quyền với các tổ chức.....)**

2. Vị thế của thủ đô Hà Nội

- Kinh tế thủ đô tiếp tục phát triển...
- Diện mạo của thủ đô có nhiều thay đổi, ngày càng
khang trang...
- Sự nghiệp văn hóa, giáo dục – đào tạo, y tế, khoa học-
công nghệ tiếp tục phát triển...
- Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh của
Thủ đô tiếp tục được củng cố.
- Đảng bộ thành phố đã triển khai thực hiện Nghiêm túc
Nghị quyết...

VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



Thống kê năm 2007

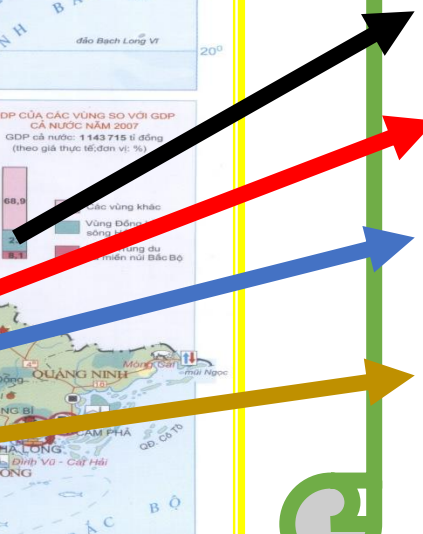
IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

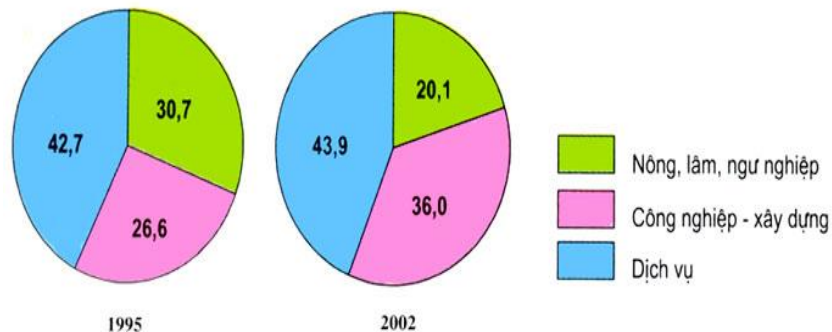
Chiếm 23% GDP cả nước

1. Công nghiệp
Chiếm 42,2% GDP của vùng

2. Nông nghiệp
Nông- lâm – ngư chiếm 14% GDP của vùng

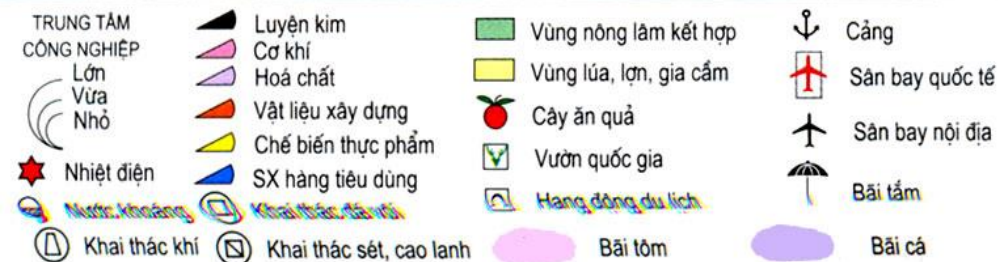
3. Dịch vụ
Chiếm 43,8% GDP của vùng

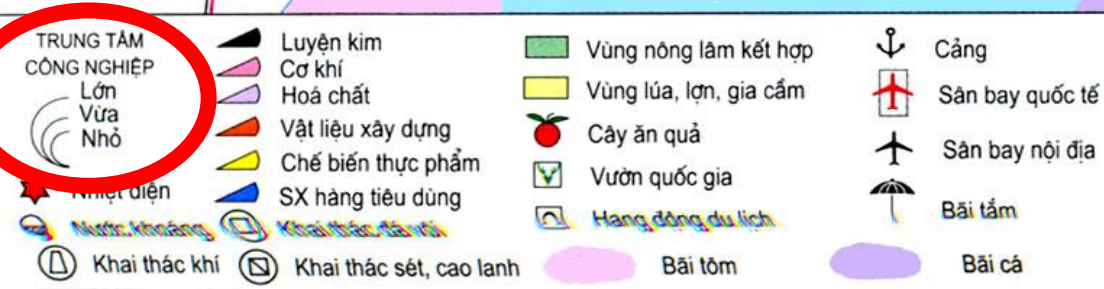




Hãy nêu đặc điểm phát triển công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng

1. Quá trình hình thành và phát triển.
2. Nhận xét tỉ trọng, giá trị...
3. Phân bố...
4. Các ngành công nghiệp trọng điểm...
5. Các sản phẩm công nghiệp....
6. Xác định các trung tâm công nghiệp trong vùng.





Xác định các trung tâm công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Lớn...

- Vừa...

- Nhỏ...

Các ngành công nghiệp trọng điểm của vùng



Hình. Nhà máy xi măng Hải Phòng



**Ngành sản xuất vật
liệu xây dựng**

Ngành công nghiệp cơ khí



Các sản phẩm công nghiệp quan trọng của Đồng bằng sông Hồng



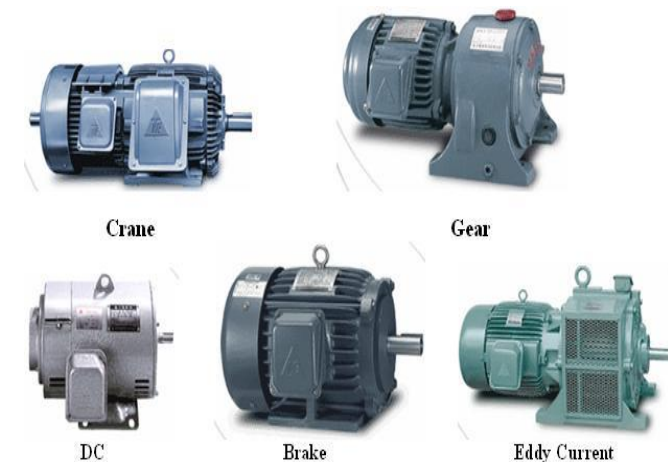
Máy cơ khí



Thiết bị điện tử



Hàng tiêu dùng



Động cơ điện



Phương tiện giao thông



Dệt may

IV. Tình hình phát triển kinh tế

1. Công nghiệp

- Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh .
- Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng.
- Ngành công nghiệp trọng điểm: chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp cơ khí.
- Sản phẩm công nghiệp quan trọng: máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng: vải, sứ dân dụng, quần áo...

2. Nông nghiệp

- **Nông nghiệp chia thành mấy nhóm ngành chính ?**
- **Trình bày và giải thích các lĩnh vực nổi bật của ngành này.**
- **Theo em có những giải pháp nào để phát triển bền vững ngành nông nghiệp vùng II.**

Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước (tạ/ha)

Năm	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Hồng	44,4	55,2	56,4
Đồng bằng sông Cửu Long	40,2	42,3	46,2
Cả nước	36,9	42,4	45,9

Hãy so sánh năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.









Một số khó khăn trong phát triển nông nghiệp của vùng

2. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

- Đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực.
- Đứng đầu cả nước về năng suất lúa 56,4 tạ/ha (2002).
- Phát triển một số cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao.

b. Chăn nuôi

- Đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước.
- Chăn nuôi bò (đặc biệt là bò sữa), gia cầm và nuôi trồng thủy sản đang được phát triển.

3. Dịch vụ

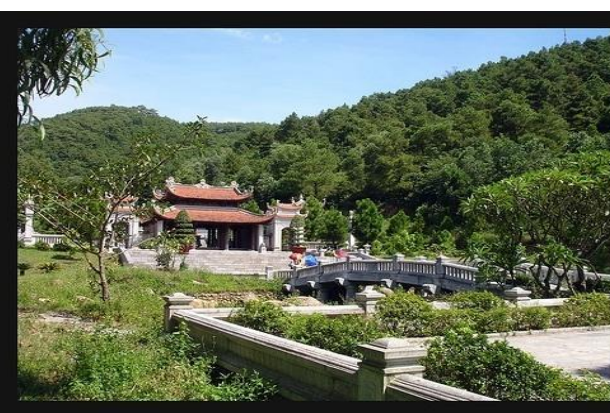
- Hoạt động dịch vụ phát triển của vùng.
- Ý nghĩa cảng Hải Phòng và sân bay Nội Bài.
- Cho biết đầu mối giao thông trong vùng.
- Các địa danh du lịch hấp dẫn nổi tiếng.



Đảo Cát Bà



Văn miếu Quốc Tử Giám



Côn Sơn – Kiếp Bạc



Bãi Biển Đồ Sơn



Lăng Bác



Tam Cốc – Bích Động

Các địa danh du lịch

Cầu Tân Vũ - Lạch Huyện



Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng



Cảng Hải Phòng



Sân bay quốc tế Nội Bài





Rừng Cúc Phương



Tam Cốc- Bích Động



Đảo Bạch Long Vĩ



ĐẢO NGỌC- CÁT BÀ



Văn Miếu Quốc Tử Giám

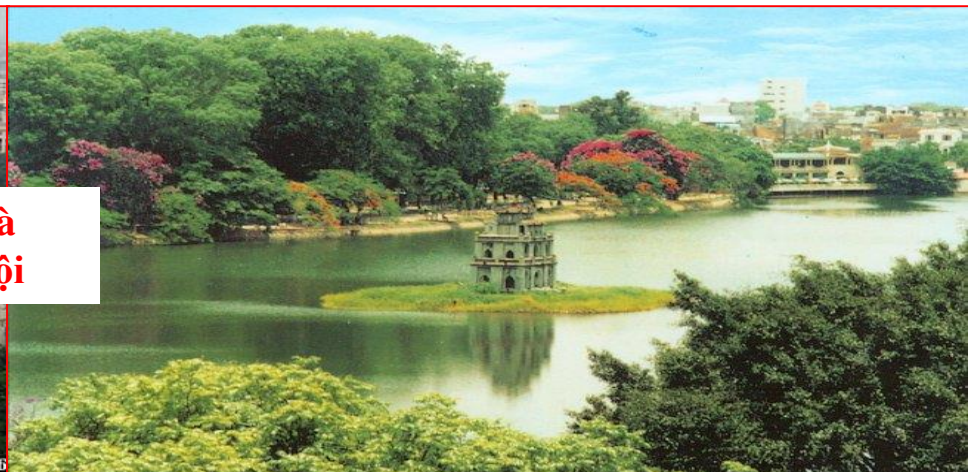


Chùa Một Cột



Hà
Nội

(c) M. Waibel 3/2006



Hà Nội, Hải Phòng là hai trung tâm du lịch, dịch vụ lớn nhất của vùng.



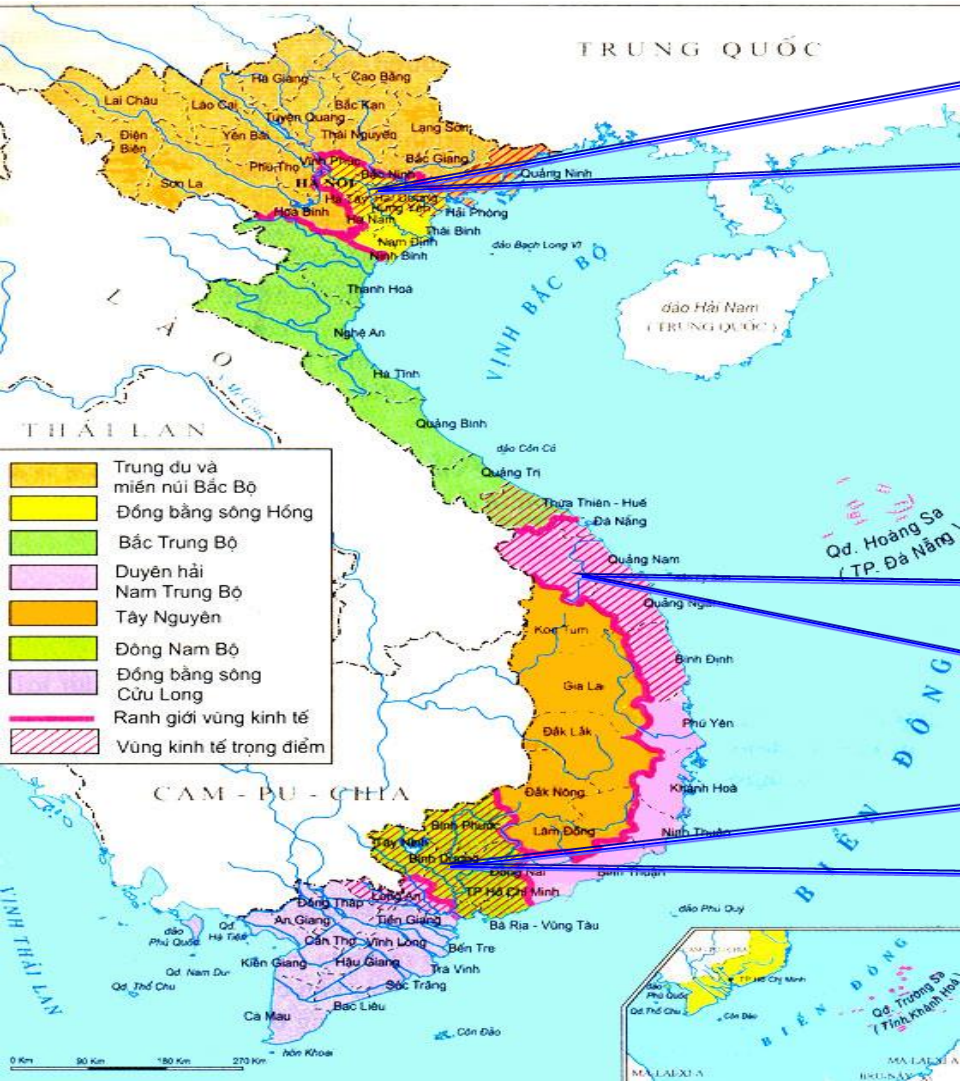
Hải Phòng

3. Dịch vụ

- **Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch phát triển.**
- **Có nhiều địa danh du lịch nổi tiếng: Chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động, Côn Sơn, Cúc Phương, Đồ Sơn, Cát Bà.**
- **Hà Nội, Hải Phòng là hai đầu mối giao thông vận tải, du lịch lớn ở phía bắc.**

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ

1. Trung tâm kinh tế
2. Tam giác kinh tế
3. Tên tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.
4. Vai trò vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.



Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ
 (7 tỉnh, thành phố)

Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung
 (5 tỉnh, thành phố)

Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam
 (8 tỉnh, thành phố)

V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

- Trung tâm kinh tế lớn: Hà Nội, Hải Phòng.
- Tam giác kinh tế: Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long.
- Tên tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (7) SGK trang 79 (Atlas trang 30).
- **Vai trò:** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động của cả hai vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ .

Chuẩn bị nội dung
VÙNG BẮC TRUNG BỘ

- Soạn nội dung mục I, II, III (Dân cư)
- * Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.
- Mục III . Đặc điểm xã hội (Học sinh tự học)

Bài học đến đây kết thúc

Chào tạm biệt các em

